VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 76/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 816/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre tại Tờ trình số 7078/TTr-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Công văn số 8490/UBND-TH ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc hoàn thiện hồ sơ Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về nội dung tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan liên quan; tính chính xác của thông tin, số liệu nêu trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các chương trình, dự án, đề án dự kiến ưu tiên đầu tư và phân kỳ đầu tư trong các phụ lục kèm theo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
Thực hiện Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Kèm theo Quyết định số 76/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Bảo đảm triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch tỉnh).

- Xác định lộ trình, tiến độ, tổ chức thực hiện, các nội dung, nhiệm vụ ưu tiên, trọng tâm và các nguồn lực nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, chương trình, đề án, dự án của Quy hoạch tỉnh.

- Xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách, giải pháp để huy động, thu hút các nguồn lực nhằm thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án, dự án tại Quy hoạch tỉnh.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 45 Luật Quy hoạch năm 2017.

- Bảo đảm tính tuân thủ, tính kế thừa các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện quy hoạch quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; bảo đảm tính liên kết, thống nhất, đồng bộ giữa các chương trình, dự án, đề án của các cấp, các ngành.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực theo phương châm "lấy đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt nguồn lực ngoài nhà nước" để tạo đột phá thu hút vốn đầu tư phát triển và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Phân bổ nguồn lực đầu tư tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng cân đối, huy động nguồn lực; bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

- Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước, nhất là trong quản lý đầu tư nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt, cho các cấp, các ngành trong việc triển khai thực hiện kế hoạch.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH

1. Hoàn thiện đồng bộ hệ thống các quy hoạch

- Tiếp tục rà soát, bãi bỏ và thông báo công khai danh mục các quy hoạch đã hết hiệu lực theo quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch năm 2017.

- Rà soát, lập, điều chỉnh các quy hoạch đô thị, nông thôn, các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Bến Tre theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

2. Triển khai các chương trình, dự án để triển khai thực hiện quy hoạch

a) Các dự án đầu tư công

- Tập trung, ưu tiên thực hiện các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, tạo sức lan tỏa lớn, nhất là kết cấu hạ tầng giao thông chiến lược của tỉnh, thúc đẩy liên kết vùng, nội vùng; phát triển 03 vùng kinh tế - xã hội (vùng ven biển phía Đông, vùng phía Bắc sông Hàm Luông và vùng phía Nam sông Hàm Luông) gắn với 05 hành lang kinh tế (03 hành lang kinh tế theo hướng Tây - Đông và 02 hành lang kinh tế theo hướng Bắc - Nam). Trong đó, tập trung phát triển vùng ven biển phía Đông là vùng động lực của tỉnh (phát triển hạ tầng giao thông ven biển, cảng biển, hạ tầng logistics, hạ tầng công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng tái tạo, năng lượng mới; phát triển đô thị - dịch vụ - du lịch tổng hợp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thích ứng với biến đổi khí hậu) đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh để thu hút các nguồn vốn đầu tư, bảo đảm cơ cấu đầu tư hợp lý, hiệu quả.

- Tiếp tục ưu tiên đầu tư hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, thủy lợi, cấp, thoát nước, xử lý rác thải, nước thải, y tế, giáo dục, an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; thực hiện các mục tiêu phát triển xanh và bền vững; quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng khó khăn của tỉnh.

b) Dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

- Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng của tỉnh nhằm phát huy hiệu quả đầu tư của các công trình hạ tầng đã và đang được thực hiện bằng nguồn vốn đầu tư công. Đẩy mạnh thu hút đầu tư mở rộng, nâng cao năng suất, hiệu quả các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

- Các ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư bao gồm: Hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp (ưu tiên thu hút đầu tư phát triển khu công nghiệp và cụm công nghiệp tại khu vực phía Bắc và phía Đông của tỉnh gắn kết với sự phát triển của vùng Bắc sông Hàm Luông và vùng ven biển phía Đông); phát triển các khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu chăn nuôi tập trung, trang trại trồng trọt, vùng nuôi trồng thủy sản, vùng chuyên canh quy mô lớn, áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, gắn với chế biến sâu; chế tạo ứng dụng công nghệ cao; năng lượng, nguồn điện và lưới điện; hạ tầng logistics, hệ thống cảng biển, bến cảng, đường thủy nội địa; thu hút đầu tư phát triển các khu dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, thể thao, sân golf; cơ sở hạ tầng giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, thương mại, dịch vụ, môi trường…

c) Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư đến năm 2030

- Định hướng danh mục các chương trình, đề án, dự án ưu tiên đầu tư, phân kỳ đầu tư và nguồn lực thực hiện đến năm 2030 theo các ngành, lĩnh vực.

(Danh mục các dự án thực hiện chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

- Vị trí, phạm vi ranh giới, diện tích đất sử dụng, hướng tuyến, tổng mức đầu tư và cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn thực hiện và các thông tin chi tiết của các dự án sẽ được cụ thể hóa trong quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, hoặc trong giai đoạn lập, thẩm định, chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các chương trình, dự án.

3. Kế hoạch sử dụng đất

Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre rà soát phương án kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021 - 2025) của tỉnh Bến Tre đã tổ chức lập theo quy định của pháp luật đất đai năm 2013 đảm bảo phù hợp với Luật Đất đai năm 2024, Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17 tháng 11 năm 2023 và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 và điều chỉnh phân bổ một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 tại Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 để làm công tác quản lý đất đai tại địa phương, rà soát, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021 - 2030, lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.

4. Nguồn lực để thực hiện quy hoạch

Triển khai các giải pháp huy động các nguồn vốn trong Quy hoạch tỉnh Bến Tre đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; triển khai hiệu quả Nghị quyết của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; đẩy mạnh hợp tác công tư, khơi thông và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, lấy đầu tư công dẫn dắt và kích hoạt các nguồn lực xã hội.

Để thực hiện các mục tiêu trong quy hoạch, tổng nhu cầu vốn đầu tư toàn xã hội trong thời kỳ 2021 - 2030 khoảng 500 nghìn tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 190 nghìn tỷ đồng và giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 310 nghìn tỷ đồng, dự kiến phân bổ như sau:

Nguồn vốn	**2021 - 2025**		**2026 - 2030**	
	Tỷ đồng	**%**	**Tỷ đồng**	**%**
1. Vốn khu vực nhà nước	55.800	29,4	82.840	26,7
2. Vốn ngoài nhà nước	124.450	65,5	205.150	66,2
3. Vốn từ khu vực đầu tư nước ngoài	9.750	5,1	22.010	7,1
Tổng cộng	**190.000**	**100**	**310.000**	**100**

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển

Chủ động hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển của địa phương; tích cực phối hợp với các bộ, ngành trung ương, các địa phương trong vùng đồng bằng sông Cửu Long xây dựng, hoàn thiện thể chế chính sách phát triển vùng; xây dựng các chương trình, đề án, dự án trọng tâm, trọng điểm tạo đột phá phát triển cho tỉnh, vùng và phát triển ngành theo Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Về thu hút đầu tư phát triển

- Nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách thu hút đầu tư. Xây dựng cơ chế chính sách đột phá phù hợp với quy định của pháp luật để thu hút các nhà đầu tư chiến lược làm động lực thúc đẩy phát triển kinh kế - xã hội.

- Tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào các khu du lịch, khu, cụm công nghiệp như: cấp điện, nước, đường giao thông; chú trọng thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện cho nhà đầu tư và chủ đầu tư triển khai thực hiện các dự án đầu tư đúng tiến độ đề ra. Kịp thời giải quyết các kiến nghị của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Tạo quỹ đất sạch, nâng cao chất lượng hoạt động xúc tiến đầu tư, tạo môi trường đầu tư cởi mở, thông thoáng, minh bạch và hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Rà soát, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ công việc. Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư; hoàn thiện thủ tục hành chính trong việc đăng ký và triển khai các dự án đầu tư.

- Tăng cường đối thoại giữa doanh nghiệp và các cấp chính quyền; thường xuyên theo dõi, rà soát, đánh giá các hoạt động hỗ trợ nhà đầu tư, có cơ chế thu thập phản hồi, kiến nghị của nhà đầu tư và kịp thời giải quyết các kiến nghị của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính trong công tác thẩm định, cấp quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nhằm tạo môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn các nhà đầu tư đến tìm hiểu cơ hội và tiến hành đầu tư tại tỉnh; rà soát, thu hồi giấy chứng nhận đầu tư/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án triển khai chậm, kém hiệu quả.

3. Về phát triển nguồn nhân lực

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển nguồn nhân lực, định hướng chuyển dịch cơ cấu lao động và xu thế nghề nghiệp.

- Nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho giáo dục, đảm bảo đầu tư có trọng điểm, không dàn trải, ưu tiên cho những vùng đặc biệt khó khăn.

- Củng cố chất lượng đào tạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tập trung cho các nghề trọng điểm; đẩy mạnh công tác đào tạo nghề theo đơn đặt hàng, theo địa chỉ của doanh nghiệp và nhu cầu phát triển.

- Khuyến khích khu vực ngoài công lập đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để hình thành mạng lưới cơ sở đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề, nhất là nhân lực chất lượng cao.

4. Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Thúc đẩy mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phát triển kinh tế của địa phương theo chiều sâu để từng bước tạo ra những sản phẩm, hàng hóa có thương hiệu và sức cạnh tranh trên thị trường trong nước, khu vực và thế giới, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Khuyến khích, thu hút nguồn lực đầu tư của doanh nghiệp cho hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Gắn kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp với nghiên cứu, đào tạo trên cơ sở chia sẻ lợi ích để nâng cao tính thực tiễn, lấy doanh nghiệp làm trung tâm ứng dụng và đổi mới công nghệ. Xây dựng cơ chế khuyến khích và hỗ trợ chuyển giao công nghệ, đặc biệt là từ các doanh nghiệp quốc tế.

- Tăng cường đầu tư kinh phí cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đẩy mạnh đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5. Về bảo đảm an sinh xã hội

- Chú trọng và tập trung phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, nhanh, bền vững; quan tâm đầu tư các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn, hỗ trợ, tạo điều kiện để người dân tộc thiểu số tiếp cận bình đẳng nguồn lực, cơ hội phát triển và hưởng thụ đầy đủ, công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản. Triển khai các chương trình xóa đói, giảm nghèo; củng cố hệ thống chính trị cơ sở; giữ vững khối đại đoàn kết các dân tộc, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

- Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng giao thông kết nối khu vực khó khăn với các trung tâm đô thị, hành lang kinh tế. Triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng đặc biệt khó khăn, vùng ven biển.

- Thực hiện tốt công tác đào tạo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, nhằm giúp cho nhóm yếu thế, nhóm dễ bị tổn thương và nhóm người nghèo ổn định cuộc sống, thoát nghèo và thoát nghèo bền vững.

- Quan tâm công tác dân tộc, tôn giáo; kịp thời phổ biến các luật và văn bản dưới luật để điều hành, chỉ đạo, tổ chức, hỗ trợ các tổ chức tôn giáo hoạt động đúng theo hiến chương, điều lệ của giáo hội và thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam.

6. Về bảo vệ tài nguyên, môi trường

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường. Tổ chức triển khai công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường đến từng tổ chức kinh tế, xã hội và công dân, nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của toàn xã hội. Nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường cho các dự án đầu tư.

- Xây dựng quy chế quản lý chất thải, ô nhiễm, tính đúng các chi phí về bảo vệ môi trường trong các dự án đầu tư mới theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; ưu tiên đầu tư, thu hút đầu tư các dự án xử lý rác thải, nghiên cứu áp dụng các công nghệ xử lý chất thải theo tiêu chuẩn quốc tế; tổ chức tốt hoạt động quản lý môi trường trong các khu, cụm công nghiệp, làng nghề.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, bố trí đủ cán bộ có trình độ chuyên môn sâu để phát hiện và xử lý kịp thời các vấn đề về môi trường.

- Khai thác hợp lý và quản lý, sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất, bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên nước, khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, bảo vệ và phát triển rừng. Triển khai đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (cát lòng sông) đối với các khu vực đã được khoanh định thăm dò, khai thác giai đoạn đến năm 2030 trong Quy hoạch tỉnh Bến Tre.

- Ưu tiên triển khai quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị mới có áp dụng các nguyên lý và kỹ thuật hiện đại nhằm hướng tới phát triển các đô thị sinh thái (tuần hoàn năng lượng, chất thải, bảo vệ và duy trì cảnh quan môi trường tự nhiên, tiêu dùng năng lượng tiết kiệm và năng lượng tái tạo) hoặc chỉnh trang đô thị với quy mô lớn theo định hướng sinh thái hóa, bền vững hóa các hoạt động kinh tế - xã hội và môi trường trong các đô thị.

- Thực hiện tốt công tác bảo tồn đa dạng sinh học theo quy hoạch tỉnh, bảo đảm phù hợp với mục tiêu quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia, định kỳ tổ chức rà soát quy hoạch để điều chỉnh kịp thời, phù hợp nhằm phát huy đa dạng sinh học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

7. Bảo đảm nguồn lực tài chính

- Huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính đáp ứng yêu cầu và mục tiêu phát triển. Cơ cấu lại chi ngân sách, tăng tỷ trọng chi đầu tư, giảm tỷ trọng chi thường xuyên; đổi mới cơ chế phân bổ, giao dự toán chi ngân sách

theo hướng khoán chi, đặt hàng, đấu thầu, giao nhiệm vụ cho cơ quan, đơn vị gắn với chất lượng sản phẩm, hiệu quả công việc; đẩy nhanh tiến độ tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp công.

- Xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch đầu tư công trung hạn các giai đoạn, ưu tiên các công trình quan trọng, cấp bách, có tính kết nối, tạo động lực và sức lan tỏa lớn phục vụ cho phát triển. Đồng thời, tăng cường công tác thẩm định, kiểm tra, giám sát việc thực hiện để đảm bảo tính hiệu quả trong sử dụng nguồn vốn đầu tư công. Huy động từ nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi nước ngoài, nguồn vốn viện trợ để thực hiện đề án, dự án của địa phương trong phát triển cơ sở hạ tầng trọng điểm, tăng cường liên kết vùng, tiểu vùng.

- Sử dụng, quản lý nguồn vốn đầu tư công và các nguồn vốn nhà nước hiệu quả, đóng vai trò hỗ trợ, dẫn dắt để thu hút tối đa nguồn lực từ các thành phần kinh tế khác; tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư ngoài nhà nước; tập trung đầu tư, triển khai các dự án kết cấu hạ tầng giao thông trọng tâm, trọng điểm có tính lan tỏa và kết nối, liên kết vùng. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án; có chế tài xử lý các dự án chậm triển khai thực hiện.

- Phát triển mạnh các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh, bền vững. Thực hiện đồng bộ các giải pháp tạo môi trường, điều kiện thuận lợi hỗ trợ đầu tư và sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế.

8. Bảo đảm quốc phòng, an ninh

- Tiếp tục giữ vững ổn định và phát huy vai trò hệ thống chính trị của địa phương; củng cố, kiện toàn bộ máy cũng như cơ chế hoạt động. Triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố, tăng cường thế trận khu vực phòng thủ; quản lý, sử dụng đất quốc phòng; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn tỉnh. Triển khai thực hiện quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn, công nghiệp quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 2256/QĐ-BQP ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt Bản đồ khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng.

- Xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, vững mạnh, toàn diện, có sức mạnh tổng hợp và trình độ khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống, không để phát sinh điểm nóng về an ninh trật tự; xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

- Xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng công an ở tất cả các cấp, trước mắt là tập trung xây dựng, quy hoạch trụ sở, nơi làm việc bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của lực lượng công an xã, thị trấn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre trong quá trình thực hiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; trường hợp cần thiết, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre nghiên cứu, xây dựng hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện thành công các mục tiêu trong Quy hoạch tỉnh.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Chịu trách nhiệm về: (i) tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu trong hồ sơ trình phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (ii) nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan liên quan trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bến Tre; (iii) đối với các dự án đang xử lý theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án thuộc danh mục các dự án quan trọng dự kiến đầu tư (nếu có) chỉ được triển khai sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.

b) Tổ chức công bố, tuyên truyền, phổ biến thông tin rộng rãi tới Nhân dân, các cơ quan, tổ chức liên quan, nhà đầu tư trong nước và nước ngoài và chỉ đạo tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bến Tre, tạo đồng thuận và điều kiện thuận lợi để triển khai các dự án phát triển đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh Bến Tre.

c) Nghiên cứu, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp để triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã được xác định trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh.

d) Báo cáo đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh Bến Tre định kỳ theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ; báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Quy hoạch năm 2017. Chủ động rà soát, kịp thời trình Thủ tướng Chính phủ xem xét việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bến Tre phù hợp với tình hình thực tiễn và điều kiện thực tế tại địa phương theo quy định hiện hành.

đ) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre chủ động đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền và đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định.

Phụ lục I

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 76/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án	Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
					2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
I	**GIAO THÔNG**								
1	ĐT.883	Huyện Châu Thành, huyện Giồng Trôm, huyện Ba Tri	Thảm nhựa	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	x		Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
2	ĐT.DK.01	Thành phố Bến Tre, huyện Giồng Trôm, huyện Ba Tri	Dài 37km, cấp II đồng bằng	UBND tỉnh Bến Tre		x			Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
3	ĐT.DK.02	Huyện Mỏ Cày Bắc, huyện Mỏ Cày Nam, huyện Thạnh Phú	Xây mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	x		Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
4	ĐT.DK.06	Huyện Chợ Lách, huyện Mỏ Cày Bắc, huyện Mỏ Cày Nam, huyện Thạnh Phú	Xây dựng mới cầu và đường; tuyến kết nối đê biển Thạnh Phú	UBND tỉnh Bến Tre	x		x		Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án	Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
					2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
5	ĐT.DK.07	Huyện Châu Thành, huyện Bình Đại	Xây mới: Dài 9,5km cấp II đồng bằng	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	x	x	Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
6	ĐT.DK.08	Huyện Mỏ Cày Nam, huyện Giồng Trôm, huyện Bình Đại	Xây mới: Dài 26km cấp III đồng bằng	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	x		Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
7	ĐT.DK.09	Huyện Châu Thành, huyện Mỏ Cày Bắc	Xây dựng 6,5km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x		Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
8	Nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các tuyến đường trọng yếu (tại mục I, Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm các dự án thành phần, cụ thể:)								
	8.1	Tuyến đường bộ ven biển kết nối tỉnh Bến Tre với tỉnh Tiền Giang và tỉnh Trà Vinh, bao gồm:							Phụ lục IV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
	8.1.1	Cầu Cửa Đại, liên tỉnh Bến Tre - Tiền Giang	Điểm đầu tỉnh Tiền Giang, điểm cuối tỉnh Bến Tre	Xây mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	x		- Phụ lục IV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ - UBND tỉnh Bến Tre là cơ quan chủ quản thực hiện dự án
	8.1.2	Cầu Ba Lai 8, liên huyện Bình Đại - Ba Tri, tỉnh Bến Tre	Điểm đầu huyện Bình Đại, điểm cuối huyện Ba Tri	Xây mới	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	x	x	Phụ lục IV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	8.1.3	Đường ven biển tỉnh Bến Tre	Điểm cuối dự án cầu Ba Lai 8, thuộc huyện Ba Tri; điểm đầu dự án cầu Cổ Chiên 2, thuộc huyện Thạnh Phú	Xây mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	x	x	- Phụ lục IV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ - Xây dựng tuyến đường bộ ven biển kết nối tỉnh Bến Tre với tỉnh Tiền Giang và Trà Vinh
	8.1.4	Cổ Chiên 2, liên tỉnh Bến Tre - Trà Vinh	Điểm đầu tỉnh Bến Tre, điểm cuối tỉnh Trà Vinh	Đối ứng giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh Bến Tre	UBND tỉnh Bến Tre		x	x		- Phụ lục IV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ - UBND tỉnh Trà Vinh là cơ quan chủ quản thực hiện dự án

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
	8.2	Dự án đầu tư xây dựng Cầu Đình Khao nối 02 tỉnh Bến Tre - Vĩnh Long theo phương thức đối tác công tư	Huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre - huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long	Đối ứng giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh Bến Tre	UBND tỉnh Bến Tre	x	x		x	- Dự án thành phần - UBND tỉnh Vĩnh Long được giao nhiệm vụ là cơ quan có thẩm quyền thực hiện dự án
II	**QUỐC PHÒNG - AN NINH**									
1	Dự án đầu tư xây dựng Căn cứ chiến đấu khu vực phòng thủ tỉnh Bến Tre		Huyện Giồng Trôm	Xây mới 10ha	UBND tỉnh Bến Tre		x	x	x	Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ (Tên dự án trong Phụ lục là "Xây dựng căn cứ chiến đấu")
2	Dự án đầu tư xây dựng Phân căn cứ Hậu cần - Kỹ thuật khu vực phòng thủ tỉnh Bến Tre		Huyện Thạnh Phú, Giồng Trôm, Mỏ Cày Bắc	Xây mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	x	x	Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ (Tên dự án trong Phụ lục là "Xây dựng căn cứ Hậu cần kỹ thuật")

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
3	Xây dựng hạ tầng PCCC và CNCH (tại mục II, Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm các dự án thành phần, cụ thể:)									
	3.1	Đầu tư phương tiện chữa cháy, cứu nạn cứu hộ cho lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	Gồm xe chữa cháy, cứu thương và các thiết bị kèm theo	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	x		Dự án thành phần
	3.2	Đội Chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực huyện Bình Đại	Huyện Bình Đại	0,5ha	UBND tỉnh Bến Tre		x		x	Dự án thành phần
	3.3	Đội Chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực huyện Thạnh Phú	Huyện Thạnh Phú	0,5ha	UBND tỉnh Bến Tre		x		x	Dự án thành phần
	3.4	Đội Chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực huyện Mỏ Cày Nam (mở rộng)	Huyện Mỏ Cày Nam	0,35 ha	UBND tỉnh Bến Tre		x		x	Dự án thành phần
III	**KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**									
	Đầu tư, phát triển Trung tâm Khoa học và Công nghệ		Thành phố Bến Tre	Nâng cấp	UBND tỉnh Bến Tre	x	x		x	Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
IV	**GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**									
1	Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất các trường THPT trên địa bàn tỉnh (tại mục IV, Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm các dự án thành phần, cụ thể:)									
	1.1	Các trường THPT tại thành phố Bến Tre (04 trường, gồm: Trường THPT Chuyên Bến Tre; Trường THPT Võ Trường Toản; Trường THPT Lạc Long Quân; Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu)	Thành phố Bến Tre	Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị	UBND tỉnh Bến Tre		x		x	Phụ lục XV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	1.2	Các trường THPT tại huyện Châu Thành (04 trường, gồm: Trường THPT Trần Văn Ơn; Trường THPT Diệp Minh Châu; Trường THPT Mạc Đĩnh Chi; Trường THPT Nguyễn Huệ)	Huyện Châu Thành	Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị	UBND tỉnh Bến Tre		x		x	Phụ lục XV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
	1.3	Các trường THPT tại huyện Chợ Lách (03 trường, gồm: Trường THPT Võ Văn Kiệt; Trường THPT Trần Văn Kiết; Trường THPT Trương Vĩnh Ký)	Huyện Chợ Lách	Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị	UBND tỉnh Bến Tre	x	x		x	Phụ lục XV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	1.4	Các trường THPT tại huyện Mỏ Cày Nam (05 trường, gồm: Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai; Trường THPT Ca Văn Thỉnh; Trường THPT An Thới; Trường THPT Quản Trọng Hoàng; Trường THPT Che Ghe-va-ra)	Huyện Mỏ Cày Nam	Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị	UBND tỉnh Bến Tre		x		x	Phụ lục XV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	1.5	Các trường THPT tại huyện Mỏ Cày Bắc (03 trường, gồm: Trường THPT Ngô	Huyện Mỏ Cày Bắc	Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị	UBND tỉnh Bến Tre	x	x		x	Phụ lục XV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
		Văn Cấn; Trường THPT Lê Anh Xuân; Trường THPT Nhuận Phú Tân)								
	1.6	Các trường THPT tại huyện Giồng Trôm (04 trường, gồm: Trường THPT Phan Văn Trị; Trường THPT Nguyễn Trãi; Trường THPT Nguyễn Thị Định; Trường THPT Nguyễn Ngọc Thăng)	Huyện Giồng Trôm	Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị	UBND tỉnh Bến Tre		x		x	Phụ lục XV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	1.7	Các trường THPT tại huyện Bình Đại (04 trường, gồm: Trường THPT Lê Quý Đôn; Trường THPT Huỳnh Tấn Phát; Trường THPT Lê Hoàng Chiếu; Trường THPT Thạnh Phước)	Huyện Bình Đại	Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị	UBND tỉnh Bến Tre		x		x	Phụ lục XV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
	1.8	Các trường THPT tại huyện Ba Tri (05 trường, gồm: Trường THPT Phan Thanh Giản; Trường THPT Tán Kế; Trường THPT Sương Nguyệt Anh; Trường THPT Phan Ngọc Tòng; Trường THPT Phan Liêm)	Huyện Ba Tri	Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị	UBND tỉnh Bến Tre		x		x	Phụ lục XV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	1.9	Các trường THPT tại huyện Thạnh Phú (04 trường, gồm: Trường THPT Lê Hoài Đôn; Trường THPT Trần Trường Sinh; Trường THPT Đoàn Thị Điểm; THPT Lương Thế Vinh)	Huyện Thạnh Phú	Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị	UBND tỉnh Bến Tre		x		x	Phụ lục XV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
2	Xây mới cơ sở 1 trường Cao đẳng Bến Tre		Thành phố Bến Tre	Xây mới	UBND tỉnh Bến Tre		x			Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án	Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
					2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
V	**Y TẾ**								
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bến Tre	Thành phố Bến Tre	>42.000m^2, Xây mới	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	x	x	Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre	Thành phố Bến Tre	>4.000m^2 Xây mới	UBND tỉnh Bến Tre		x		x	Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
3	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	Thành phố Bến Tre	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế	UBND tỉnh Bến Tre	x	x		x	Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
4	Bệnh viện y học cổ truyền	Thành phố Bến Tre	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế	UBND tỉnh Bến Tre	x	x		x	Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
5	Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm và Thực phẩm	Thành phố Bến Tre	>1.000m^2 Xây mới	UBND tỉnh Bến Tre		x		x	Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án	Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
					2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
6	Bệnh viện đa khoa Hàm Long	Huyện Châu Thành	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế	UBND tỉnh Bến Tre		x		x	Phụ lục XIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
7	Trung tâm y tế huyện Thạnh Phú	Huyện Thạnh Phú	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế	UBND tỉnh Bến Tre		x		x	Phụ lục XIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
8	Trung tâm y tế huyện Chợ Lách	Huyện Chợ Lách	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế	UBND tỉnh Bến Tre		x		x	Phụ lục XIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
9	Trung tâm y tế huyện Giồng Trôm	Huyện Giồng Trôm	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế	UBND tỉnh Bến Tre		x		x	Phụ lục XIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
10	Trung tâm y tế huyện Bình Đại	Huyện Bình Đại	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế	UBND tỉnh Bến Tre	x	x		x	Phụ lục XIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án	Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
					2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
11	Trung tâm y tế huyện Mỏ Cày Nam	Huyện Mỏ Cày Nam	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế	UBND tỉnh Bến Tre		x		x	Phụ lục XIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
VI	**VĂN HÓA - THỂ THAO**								
1	Bảo tàng Bến Tre và Thư viện Nguyễn Đình Chiểu tỉnh Bến Tre	Thành phố Bến Tre	Xây mới	UBND tỉnh Bến Tre		x		x	Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ (gộp dự án Bảo tàng tỉnh và Thư viện tỉnh)
2	Nhà thi đấu thể thao đa năng	Thành phố Bến Tre	Xây mới	UBND tỉnh Bến Tre		x		x	Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
3	Tu bổ, phục hồi Di tích quốc gia đặc biệt Đồng Khởi Bến Tre	Huyện Mỏ Cày Nam	Tu bổ, tôn tạo	UBND tỉnh Bến Tre		x	x		Phụ lục XVII kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
4	Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu	Huyện Ba Tri	Tu bổ, tôn tạo	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	x		Phụ lục XVII kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án	Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
					2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
5	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Di tích lịch sử đường Hồ Chí Minh trên biển tại Bến Tre (giai đoạn 2) - Đầu cầu tiếp nhận vũ khí Bắc - Nam	Tỉnh Bến Tre	Bảo tồn, tôn tạo	UBND tỉnh Bến Tre	x	x		x	Phụ lục XVII kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
VII	**THỦY LỢI, ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI, THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**								
1	Đê ven sông Tiền (tại mục VII, Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm các dự án thành phần, cụ thể:)								
	1.1	Nâng cấp đoạn từ UBND xã Phú Đức đến cống Rạch Chùa Tân Phú	Huyện Châu Thành	Nâng cấp 9,34 Km; B = 6 m; Z đỉnh = 3m	UBND tỉnh Bến Tre		x	x	x	Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	1.2	Xây mới từ Cống An Hóa, xã Giao Hòa đến Cống Cầu Chợ, xã Tân Thạch	Huyện Châu Thành	Xây mới 9,4 Km; B = 6m; Z đỉnh = 3m	UBND tỉnh Bến Tre		x	x	x	Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	1.3	Xây mới từ đầu cầu Bổn Thôn đến cống Cái Sơn (Bổn Thôn)	Huyện Châu Thành	Xây mới 3,8 Km; B = 6m; Z đỉnh = 3m	UBND tỉnh Bến Tre		x	x	x	Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
	1.4	Từ Cống Thủ Trị đến cầu Bổn Thôn nâng cấp huyện lộ hiện có làm đê (thuộc dự án tuyến đường du lịch)	Huyện Châu Thành	Xây mới 4,7km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x	x	Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	1.5	Từ Cống Cái Sơn đến UBND xã Phú Đức nâng cấp huyện lộ hiện có làm đê (thuộc dự án tuyến đường du lịch)	Huyện Châu Thành	Xây mới 3,5km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x	x	Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
2	Đê bờ Bắc sông Hàm Luông (tại mục VII, Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm các dự án thành phần, cụ thể:)									
	2.1	Từ quốc lộ 57B (phà Tân Phú) đến cống Bến Rớ	Huyện Châu Thành	Nâng cấp 7,4km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x	x	Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	2.2	Nâng cấp đoạn từ cống Bến Rớ đến khu công nghiệp An Hiệp	Huyện Châu Thành	Nâng cấp 8,8km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x	x	Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
	2.3	Nâng cấp từ cống Sơn Phú đến Cống Cái Mít	Huyện Giồng Trôm	Nâng cấp 9,48km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x	x	Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	2.4	Xây mới đoạn đê từ cống Rạch Miễu đến UBND xã Bình Phú (UBND xã Mỹ Thành cũ)	Thành phố Bến Tre	Xây mới 1km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x	x	Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	2.5	Xây mới đoạn đê từ KCN An Hiệp đến Lộ ông Bồi	Huyện Châu Thành	Xây mới 0,66km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x	x	Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	2.6	Xây mới đoạn từ cống Sơn Đốc 2 đến cống Cầu Kinh	Huyện Giồng Trôm	Xây mới 12,22km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x	x	Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	2.7	Xây mới đoạn đê từ xã An Hòa Tây đến Xã An Đức	Huyện Ba Tri	Xây mới 1,4km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x	x	Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
	2.8	Nâng cấp bờ bao các cồn (tại mục I, Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm các dự án thành phần, cụ thể:)								
	2.8.1	Đê Cồn Hưng Phong	Huyện Giồng Trôm	Nhằm hoàn thiện dự án Đê Hưng Phong phần còn lại chưa đầu tư	UBND tỉnh Bến Tre		x	x		Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	2.8.2	Đê Cồn An Bình	Huyên Ba Tri	Nâng cấp 6	UBND tỉnh Bến Tre		x	x		Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
3	Đê bao ven sông Ba Lai (tại mục VII, Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm các dự án thành phần, cụ thể:)									
	3.1	Bờ tả sông Ba Lai	Huyện Bình Đại	Nâng cấp 6,4km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x	x	Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	3.2	Bờ hữu sông Ba Lai	Huyện Giồng Trôm	Nâng cấp 5km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x	x	Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
4	Đê bờ Nam sông Hàm Luông (tại mục VII, Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm các dự án thành phần, cụ thể:)									
	4.1	Nâng cấp từ cống Cầu Đất đến đầu rạch Băng Cung	Huyện Mỏ Cày Nam, huyện Thạnh Phú	Nâng cấp 7,1km	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	x		Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	4.2	Xây mới đoạn từ Kênh Chợ Lách đến Rạch Mỹ Sơn	Huyện Chợ Lách	Xây mới 15,7km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x	x	Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	4.3	Từ rạch Mỹ Sơn đến Đầu sông Cái Cấm	Huyện Mỏ Cày Bắc	Xây mới 1,55km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x	x	Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	4.4	Xây mới tuyến đê ven sông Hàm Luông xã Thanh Tân	Huyện Mỏ Cày Bắc	Xây mới 13km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x	x	Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
5	Xây mới đê từ sông Băng Cung đến đầu đường Đại Đội 3		Huyện Thạnh Phú	Xây mới 13,9km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x		Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án	Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
					2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
6	Xây mới đê từ sông Eo Lói đến Rạch Ớt	Huyện Thạnh Phú	Xây mới 9,1km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x		Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
7	Xây dựng tuyến đê bao ven sông Eo Lói	Huyện Thạnh Phú	Xây mới 29,1km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x		Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
8	Đê bao bờ Hữu sông Cái Cấm	Huyện Mỏ Cày Bắc	11,2km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x		Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
9	Đê bao bờ Tả sông Cái Cấm	Huyện Mỏ Cày Bắc	11,2km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x		Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
10	Xây mới tuyến đê từ cuối sông Cái Cấm đến Vàm Nước Trong	Huyện Mỏ Cày Bắc	3,2km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x		Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
11	Xây mới đoạn từ Vàm Nước Trong đến Cống Cầu Đất	Huyện Mỏ Cày Nam	13,81km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x		Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
12	Nâng cấp hệ thống sông, kênh (tại mục I, Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm các dự án thành phần, cụ thể:)									
	12.1	Tuyến 2 (sông Giồng Trôm - Cây Da - kênh Tự Chảy)	Các huyện Bình Đại, Ba Tri, Châu Thành, Giồng Trôm và thành phố Bến Tre	Nâng cấp 33km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x	x	Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	12.2	Tuyến 3 (Sông Giồng Trôm - Bình Chánh - Châu Bình - Vàm Hồ)	Các huyện Bình Đại, Ba Tri, Châu Thành, Giồng Trôm và thành phố Bến Tre	Nâng cấp 22,5km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x	x	Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	12.3	Tuyến 4 (sông Giồng Trôm - Rạch Hương Điểm - kênh Cầu Sập)	Các huyện Bình Đại, Ba Tri, Châu Thành, Giồng Trôm và thành phố Bến Tre	Nâng cấp 16,5km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x	x	Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	12.4	Tuyến 5 (Trục Vàm Xã - Cầu Mới - Cầu Sơn - Cái Hàng - Cả Chát - sông Thơm - kênh Phụ Nữ)	Chợ Lách, Mỏ Cày Bắc, Mỏ Cày Nam và Thạnh Phú	Nâng cấp 67,6km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x	x	Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
	12.5	Tuyến 6 (Vàm Cái Gà - Cái Mơn - Vĩnh Hòa - Giồng Keo - Sông Mỏ Cày - An Bình - Đồng Khởi - Chín Thước - Cổ Rạng)	Chợ Lách, Mỏ Cày Bắc, Mỏ Cày Nam và Thạnh Phú	Nâng cấp 67,6km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x	x	Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
13	Đê bao ven sông Cổ Chiên (tại mục VII, Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm các dự án thành phần, cụ thể:)									
	13.1	Nâng cấp đoạn từ xã Phú Phụng (giáp ranh Vĩnh Long) đến Kênh Xáng Chợ Lách	Huyện Chợ Lách	Nâng cấp 11km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x	x	Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	13.2	Xây mới từ sông Chợ Lách đến Rạch Cái Hàng	Huyện Chợ Lách	Xây mới 10km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x	x	Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	13.3	Xây mới đoạn từ Rạch Cái Hàng đến Vàm Thơm	Huyện Mỏ Cày Bắc	Xây mới 6km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x	x	Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
14	Đê biển Thạnh Phú, Bình Đại, Ba Tri (tại mục VII, Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm các dự án thành phần, cụ thể:)									
	14.1	Nâng cấp tuyến đê từ cống Định Trung đến cống Thừa Long 2 (cống DK)	Huyện Bình Đại	Nâng cấp 18km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x	x	Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	14.2	Nâng cấp đê biển Ba Tri	Huyện Ba Tri	Nâng cấp 28,6km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x	x	Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	14.3	Xây mới đê biển Thạnh Phú (từ rạch Eo Lói đến rạch Ông Phụ)	Huyện Thạnh Phú	Xây mới 13,6km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x		Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	14.4	Củng cố, nâng cấp và bổ sung khép kín tuyến đê biển huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (Đoạn từ cống Bến Đình đến cống Bà Nhật)	Huyện Bình Đại	L=2,45km, các cống dưới đê và nhà quản lý	UBND tỉnh Bến Tre	x		x		Dự án thành phần

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
	14.5	Đê biển khu vực xã Thừa Đức, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre	Huyện Bình Đại	L=2.200m	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	x		Dự án thành phần đã hoàn thành 300 m vào năm 2022, còn lại 1900 m thực hiện vào giai đoạn 2
15	Xây dựng các tuyến kè phòng chống sạt lở trên các tuyến sông, rạch, kênh thủy lợi tỉnh Bến Tre		Các huyện, thành phố	7,9km	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	x	x	Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
16	Dự án cấp nước sinh hoạt cho dân cư khu vực Cù Lao Minh trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng		Khu vực Cù Lao Minh (các huyện Mỏ Cày Bắc, Thạnh Phú, Mỏ Cày Nam, Chợ Lách)	76,31km	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	x	x	Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
17	Xây dựng hồ chứa nước ngọt Lạc Địa, Cả Ráng Sâu, Ba Lai (tại mục VII, Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm các dự án thành phần, cụ thể:)									
	17.1	Xây mới hồ chứa nước ngọt rạch Cả Ráng Sâu	Huyện Thạnh Phú	Cải tạo rạch Cả Ráng Sâu làm hồ trữ nước ngọt	UBND tỉnh Bến Tre		x	x		Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
	17.2	Khôi phục lòng sông Ba Lai (đoạn từ ngã ba Giao Hòa - Chẹt Sậy đến cống Ba Lai)	Các huyện Bình Đại, Ba Tri, Giồng Trôm	Khôi phục lòng sông 7,08km	UBND tỉnh Bến Tre	x	x		x	Dự án thành phần
	17.3	Xây dựng hồ chứa nước Lạc Địa, xã Phú Lễ	Huyện Ba Tri	2.300.000m^3	UBND tỉnh Bến Tre	x		x		Dự án thành phần
	17.4	Công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn	Các huyện trên địa bàn tỉnh	Nâng cấp, mở rộng 05 công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn: Thạnh Phú, Hòa Lợi (Thạnh Phú); Thới Lai (Bình Đại); Châu	UBND tỉnh Bến Tre	x		x	x	Phụ lục X kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
				Bình (Giồng Trôm); An Phú Trung (Ba Tri)						
18	Dự án Hệ thống thủy lợi Bắc, Nam Bến Tre, tỉnh Bến Tre (tại mục VII, Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm các dự án thành phần, cụ thể:)									
	18.1	Đầu tư xây dựng cống dưới đê bờ Nam sông Hàm Luông (Cái Gà, Vàm Mơn) và cống dưới đê sông Cổ Chiên (Cái Mơn, Rạch Cái Tre)	Huyện Chợ Lách	Cống Cái Gà, Vàm Mơn, Cái Mơn, Rạch Cái Tre	Bộ NN và PTNT, UBND tỉnh Bến Tre	x	x	x	x	Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	18.2	Đê bao ngăn mặn kết hợp đường giao thông nối liền, nối liền 03 huyện Bình Đại - Ba Tri - Thạnh Phú (giai đoạn 2)	Các huyện Ba Tri, Bình Đại, Thạnh Phú	Tuyến đê dài 26,685km và các công trình trên tuyến	UBND tỉnh Bến Tre	x		x	x	Dự án thành phần

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
	18.3	Đầu tư xây dựng các cống dưới đê bờ Nam sông Hàm Luông	Các huyện Chợ Lách, Mỏ Cày Bắc, Mỏ Cày Nam	10 cống: Rạch Cái, Ba Lẹ, Tám Sanh, Cầu Kênh Cũ, Hòa An, Rạch Thanh Hà, Tân Thông 2, Cái Bè Cạn, Tân Định, Thơ Đa	UBND tỉnh Bến Tre		x	x	x	Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	18.4	Đầu tư xây dựng các cống dưới đê sông Cổ Chiên	Các huyện Chợ Lách, Mỏ Cày Bắc, Mỏ Cày Nam	10 cống: Thanh Trung (Vàm Tắc), Rạch Cái Sơn, Kinh Lai Phụng, Cầu 2 Tháng 9, Huyện lộ 33,	UBND tỉnh Bến Tre		x	x	x	Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
				Ông Nhân, Rạch Bà Liên, Bà Yến, Cầu Kênh số 2, Thành Thới A						
	18.5	Đầu tư xây dựng cống điều tiết (kênh Phụ nữ, Kênh 9 Thước, cống đập Châu Bình kết hợp Trạm bơm)	Huyện Mỏ Cày Nam, huyện Giồng Trôm	Cống kênh Phụ nữ, Kênh 9 Thước, cống đập Châu Bình kết hợp Trạm bơm	UBND tỉnh Bến Tre		x	x	x	Dự án thành phần
	18.6	Đầu tư xây dựng cống dưới đê sông Tiền	Huyện Châu Thành	Cống Cá Lóc (Cồn Khánh Hội)	UBND tỉnh Bến Tre		x	x		Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
	18.7	Đầu tư xây dựng các cống Bờ Bắc Sông Bến Tre	Thành phố Bến Tre	Các cống Kiến Vàng, Cái Cá, Cá Lóc, Gò Đàng	UBND tỉnh Bến Tre		x	x		Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	18.8	Hệ thống thủy lợi Bắc Bến Tre giai đoạn 1	Tỉnh Bến Tre	Xây dựng 10km đê, xây dựng 07 cống hở, 08 cống hộp và 11 cống tròn, nhà quản lý trung tâm và 02 nhà quản lý cống	UBND tỉnh Bến Tre	x		x		Dự án thành phần
	18.9	Kè chống xói lở bờ sông Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (bờ nam)	Huyện Mỏ Cày Nam	Chiều dài L = 960m	UBND tỉnh Bến Tre	x		x		Dự án thành phần

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
	18.10	Dự án HTTL Nam Bến Tre, tỉnh Bến Tre (bổ sung theo Quyết định số 1700/QĐ-BNN-XD ngày 13/5/2020)	Huyện Mỏ Cày Nam, huyện Thạnh Phú	Xây dựng 11 cống hở; 03 cầu giao thông; 03 nhà quản lý	UBND tỉnh Bến Tre	x		x	x	Dự án thành phần
	18.11	Dự án gia cố chống sạt lở bờ sông khu vực xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre	Thành phố Bến Tre	Chiều dài L = 0,246km	UBND tỉnh Bến Tre	x		x		Dự án thành phần
	18.12	Dự án Quản lý nước Bến Tre (Xây dựng 8 cống: An Hóa, Bến Tre, Vàm Thơm, Vàm Nước Trong, Tân Phú, Bến Rõ, Thủ Cửu, Cái Quao)	Tỉnh Bến Tre		Bộ NN và PTNT, UBND tỉnh Bến Tre	x	x	x		Dự án thành phần, Vốn Bộ NN&PTNT quản lý

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
	18.13	Dự án hạ tầng thiết yếu hỗ trợ phát triển vùng cây ăn trái hoa kiểng khu vực Mỏ Cày Bắc và huyện Chợ Lách	Huyện Mỏ Cày Bắc và huyện Chợ Lách	Xây dựng cống Cái Hàng B=2x15m	UBND tỉnh Bến Tre	x		x		Dự án thành phần
	18.14	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu ổn định đời sống dân cư phường 8 và xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre (giai đoạn 2)	Thành phố Bến Tre	Đường D5: L=1.673m; Cầu D5; hệ thống thoát nước, chiếu sáng	UBND tỉnh Bến Tre	x		x		Dự án thành phần
	18.15	Hoàn thiện HTTL Bắc, Nam Bến Tre	Các huyện Châu Thành, Chợ Lách, Mỏ Cày Bắc, Mỏ Cày Nam	Xây dựng 15 cống	Bộ NN và PTNT, UBND tỉnh Bến Tre	x		x		Dự án thành phần Vốn Bộ NN&PTNT quản lý

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
	18.16	Xây dựng hạ tầng khẩn cấp phục vụ bố trí ổn định dân cư huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre	Huyện Mỏ Cày Nam	Xây dựng tuyến kè L=703m	UBND tỉnh Bến Tre	x		x	x	Dự án thành phần
	18.17	Đầu tư xây dựng hệ thống cống kiểm soát mặn các huyện Ba Tri, Mỏ Cày Nam và Chợ Lách	Các huyện Ba Tri, Mỏ Cày Nam và Chợ Lách	Xây dựng 4 cống Sa Kê, Giồng Võ, Kênh Lộ, Kênh Trục 418	UBND tỉnh Bến Tre	x		x		Dự án thành phần
19	Dự án hạ tầng vùng nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao huyện Ba Tri, Thạnh Phú và Bình Đại		Huyện Ba Tri, huyện Bình Đại, huyện Thạnh Phú	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật vùng nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	x	x	Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
20	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển vùng cây ăn trái khu vực Sơn Định - Vĩnh Bình - Phú Phụng		Huyện Chợ Lách	12km	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	x	x	Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
21	Nạo vét hệ thống kênh trục, kênh cấp I, kênh cấp II, III và kênh nội đồng		Tỉnh Bến Tre	Nạo vét	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	x	x	Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
22	Xây dựng các tuyến kè phòng chống sạt lở ven biển, sạt lở trên các tuyến sông, rạch, kênh thủy lợi (tại mục VII, Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm các dự án thành phần, cụ thể:)									
	22.1	Kè chống xói lở sông Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam (bờ Bắc)	Huyện Mỏ Cày Nam	1km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x		Dự án thành phần
	22.2	Hoàn thiện hệ thống kè chống sạt lở bờ sông Bến Tre khu vực xã Nhơn Thạnh, thành phố Bến Tre	Thành phố Bến Tre	0,5km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x		Dự án thành phần
	22.3	Gia cố sạt lở bờ sông khu vực xã Vĩnh Bình huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre	Huyện Chợ Lách	2,3km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x		Dự án thành phần

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
	22.4	Hoàn thiện hệ thống kè chống sạt lở bờ sông Giao Hòa	Huyện Châu Thành, huyện Bình Đại	2,5km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x		Dự án thành phần
	22.5	Hoàn thiện hệ thống kè chống sạt lở bờ biển huyện Ba Tri	Huyện Ba Tri	2,4km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x		Dự án thành phần
	22.6	Hoàn thiện hệ thống kè chống sạt lở bờ biển huyện Bình Đại	Huyện Bình Đại	2,5km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x		Dự án thành phần
	22.7	Hoàn thiện hệ thống kè chống sạt lở bờ biển huyện Thạnh Phú	Huyện Thạnh Phú	2,6km	UBND tỉnh Bến Tre		x	x		Dự án thành phần
	22.8	Kè chống sạt lở bờ sông Giao Hòa, xã Giao Long, huyện Châu Thành	Huyện Châu Thành	Xây dựng tuyến kè L=472m	UBND tỉnh Bến Tre	x		x	x	Dự án thành phần

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
	22.9	Dự án tái định cư khẩn cấp sạt lở bờ sông Bến Tre	Thành phố Bến Tre	Diện tích 1,68ha	UBND tỉnh Bến Tre	x			x	Dự án thành phần
	22.10	Dự án sạt lở bờ sông Bến Tre khu vực xã Nhơn Thạnh, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Thành phố Bến Tre	Chiều dài L=1,34km	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	x		Dự án thành phần đã hoàn thành khoảng 986m vào năm 2023, chuẩn bị đầu tư giai đoạn còn lại
VIII	**PHÁT TRIỂN NÔNG - LÂM - NGƯ NGHIỆP**									
1	Mở rộng vùng chuyên canh trồng dừa		Tỉnh Bến Tre	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng phát triển vườn dừa	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	x	x	Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
2	Mở rộng vùng chuyên canh trồng cây kiểng		Tỉnh Bến Tre	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật để hoàn thiện dự án đang đầu tư	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	x	x	Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án	Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
					2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
3	Đầu tư nâng cấp Trung tâm Giống và Hoa kiểng tỉnh Bến Tre	Huyện Chợ Lách		UBND tỉnh Bến Tre		x		x	Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ Tên dự án "Đầu tư nâng cấp Trung tâm Giống và Hoa kiểng tỉnh Bến Tre cơ sở 2"
IX	**BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC**								
1	Thành lập thí điểm khu Bảo tồn đa dạng sinh học phục vụ phát triển bền vững du lịch sinh thái và Trung tâm tri thức về phát triển du lịch sinh thái tại đồng bằng sông Cửu Long	Thành phố Bến Tre và 03 huyện ven biển	Xây dựng mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	x		- Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ - Vận động viện trợ ODA và ngân sách trung ương
2	Đầu tư nâng cấp và phát triển Khu bảo vệ cảnh quan Thạnh Phú	Huyện Thạnh Phú	Nâng cấp	UBND tỉnh Bến Tre		x		x	Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án	Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
					2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
3	Đầu tư nâng cấp và phát triển Khu bảo vệ loài - sinh cảnh Vàm Hồ	Huyện Ba Tri, Bình Đại và Giồng Trôm	Nâng cấp	UBND tỉnh Bến Tre		x		x	Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
4	Rừng phòng hộ ven biển	03 huyện ven biển	79 ha	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	x	x	- Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ (chuyển vốn đầu tư từ ngoài NSNN sang NSNN) - Vốn Trung ương phát triển Lâm nghiệp bền vững, vốn sự nghiệp và xã hội hóa
X	**VIỄN THÔNG, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, HẠ TẦNG SỐ**								
1	Đầu tư xây dựng nền tảng hạ tầng công nghệ thông tin và hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số tỉnh	Tỉnh Bến Tre	Mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin và hệ thống mạng	UBND tỉnh Bến Tre	x	x		x	Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
2	Phát triển toàn diện hệ thống phát thanh truyền hình tỉnh Bến Tre trong kỷ nguyên số (tại mục XI, Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm các dự án thành phần, cụ thể:)									
	2.1	Xe truyền hình lưu động HD/4K	Đài phát thanh truyền hình	01 xe truyền hình lưu động	UBND tỉnh Bến Tre		x		x	Dự án thành phần
	2.2	Hệ thống sản xuất chương trình và truyền dẫn phát sóng phát thanh, trụ anten	Đài phát thanh truyền hình	Đầu tư máy móc trang thiết bị sản xuất chương trình phát thanh, thiết bị truyền dẫn phát sóng, hệ thống máy phát sóng, phần mềm	UBND tỉnh Bến Tre		x		x	Dự án thành phần

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
	2.3	Dự án hệ thống thiết bị thu ghi chương trình, dựng hình, đồ họa và Thiết bị camera phóng viên, thiết bị lưu động phóng viên, thiết bị tác nghiệp, xe tác nghiệp, thiết bị phụ trợ, hệ thống điện dự phòng	Đài phát thanh truyền hình	Đầu tư máy móc trang thiết bị, phần mềm	UBND tỉnh Bến Tre		x		x	Dự án thành phần
	2.4	Dự án thiết bị cho hệ thống tổng khống chế		Đầu tư máy móc, thiết bị tổng khống chế, phần mềm	UBND tỉnh Bến Tre		x		x	Dự án thành phần
	2.5	Dự án thiết bị hệ thống mạng lưu trữ sản xuất		Thiết bị, phần mềm an toàn an ninh mạng, lưu trữ	UBND tỉnh Bến Tre		x		x	Dự án thành phần

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
	2.6	Chuyển đổi số	Đài phát thanh truyền hình	Xây dựng hệ thống quản lý điều hành, duyệt tin bài sản phẩm, chấm nhuận bút, hệ thống quản lý các chương trình tương tác, trường quay ảo, máy móc thiết bị, phần mềm	UBND tỉnh Bến Tre		x		x	Dự án thành phần
	2.7	Xây dựng cổng thông tin tác nghiệp online và dịch vụ tương tác, tòa soạn hội tụ	Đài phát thanh truyền hình	Ứng dụng điện tử (mobile app, website,….), hệ thống	UBND tỉnh Bến Tre		x		x	Dự án thành phần

STT	Tên dự án	Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
					2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
			quản lý phân phối đa nền tảng, máy móc thiết bị, phần mềm						
XI	**CƠ SỞ TRỢ GIÚP XÃ HỘI**								
1	Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh	Thành phố Bến Tre	Nâng cấp	UBND tỉnh Bến Tre	x		x		Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
2	Trường nuôi dạy trẻ em khuyết tật	Thành phố Bến Tre	Nâng cấp	UBND tỉnh Bến Tre		x		x	Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
XII	**CÔNG NGHIỆP (ĐẦU TƯ HẠ TẦNG ĐẾN HÀNG RÀO KCN, CCN)**								
1	Đầu tư hạ tầng ngoài hàng rào các KCN theo quy hoạch (tại mục XIII, Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm các dự án thành phần, cụ thể:)								

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
	1.1	Khu công nghiệp Phú Thuận	Huyện Bình Đại		UBND tỉnh Bến Tre	x			x	- Phụ lục II kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ - Đang đầu tư cơ sở hạ tầng
	1.2	Khu công nghiệp Giao Long (III)	Huyện Châu Thành		UBND tỉnh Bến Tre	x			x	- Phụ lục II kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ - Cụm công nghiệp Long Phước đã thực hiện quy hoạch, đang thực hiện thủ tục để chuyển thành Khu công nghiệp Giao Long (III)
	1.3	Đầu tư cơ sở hạ tầng khu tái định cư phục vụ Khu Công nghiệp Phú Thuận giai đoạn 2	Huyện Bình Đại		UBND tỉnh Bến Tre		x		x	Dự án thành phần

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn dự kiến		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
2	Đầu tư hạ tầng ngoài hàng rào các CCN theo quy hoạch (tại mục XIII, Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm các dự án thành phần, cụ thể:)									
	2.1	Cụm công nghiệp Tân Thành Bình	Huyện Mỏ Cày Bắc		UBND tỉnh Bến Tre	x	x		x	Phụ lục II kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	2.2	Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Phong Nẫm	Huyện Giồng Trôm		UBND tỉnh Bến Tre	x	x		x	Phụ lục II kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	2.3	Cụm công nghiệp Thị trấn - An Đức	Huyện Ba Tri		UBND tỉnh Bến Tre	x	x		x	Phụ lục II kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

Phụ lục II

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HÚT ĐẦU TƯ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 76/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án	Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
					2021 - 2025	2026 - 2030	
I	**DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP**						
1	Xây dựng, phát triển chuỗi cung ứng các sản phẩm chủ lực của Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	Nhà đầu tư đề xuất	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
2	Dự án phát triển hệ thống canh tác lúa - tôm hiệu quả bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu	Tỉnh Bến Tre	Nhà đầu tư đề xuất	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
3	Dự án sản xuất nông nghiệp theo hướng chất lượng cao đảm bảo theo tiêu chuẩn VietGap hoặc GlobalGap; sản xuất nông nghiệp hữu cơ (bao gồm trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản)	Tỉnh Bến Tre	Nhà đầu tư đề xuất	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án	Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
					2021 - 2025	2026 - 2030	
4	Dự án trồng rừng và bảo vệ đa dạng sinh học	Tỉnh Bến Tre	Nhà đầu tư đề xuất	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
5	Dự án phát triển nông nghiệp đô thị	Tỉnh Bến Tre	Nhà đầu tư đề xuất	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
6	Dự án xây dựng mô hình vườn sinh thái kết hợp du lịch miệt vườn	Tỉnh Bến Tre	Nhà đầu tư đề xuất	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
7	Dự án bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn bền vững và kết hợp du lịch sinh thái	Tỉnh Bến Tre	1.000	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
8	Phát triển trung tâm đầu mối sản xuất nông nghiệp tỉnh Bến Tre, gắn với vùng nguyên liệu chính về trái cây, rau màu	Tỉnh Bến Tre	20 - 30	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ (chuyển vốn đầu tư từ NSNN sang ngoài NSNN)

STT	Tên dự án	Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
					2021 - 2025	2026 - 2030	
9	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng sản xuất tôm giống tập trung	Huyện Bình Đại	Nhà đầu tư đề xuất	UBND tỉnh Bến Tre		x	Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ (chuyển vốn đầu tư từ NSNN sang ngoài NSNN)
II	**DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP**						
1	Dự án phát triển công nghiệp năng lượng: Sản xuất điện gió, điện khí, điện sinh khối… (tại mục II, Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm các dự án thành phần, cụ thể:)						
	1.1	Danh mục các dự án điện gió trên bờ (trên đất liền và gần bờ)					Dự án thành phần
	1.1.1	Nhà máy điện gió VPL	Huyện Bình Đại	Xây mới, 30MW	Nhà đầu tư đề xuất	x		Bảng 9, Phụ lục III kèm theo Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ
	1.1.2	Nhà máy điện gió Bình Đại	Huyện Bình Đại	Xây mới, 30MW	Nhà đầu tư đề xuất	x		Bảng 9, Phụ lục III kèm theo Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ
	1.1.3	Nhà máy điện gió Bình Đại số 2	Huyện Bình Đại	Xây mới, 49MW	Nhà đầu tư đề xuất	x		Bảng 9, Phụ lục III kèm theo Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	
	1.1.4	Nhà máy điện gió Bình Đại số 3	Huyện Bình Đại	Xây mới, 49MW	Nhà đầu tư đề xuất	x		Bảng 9, Phụ lục III kèm theo Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ
	1.1.5	Nhà máy điện gió Thanh Phong	Huyện Thạnh Phú	Xây mới, 29,7MW	Nhà đầu tư đề xuất	x		Bảng 9, Phụ lục III kèm theo Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ
	1.1.6	Nhà máy điện gió Sunpro	Huyện Bình Đại	Xây mới, 30MW	Nhà đầu tư đề xuất	x	x	Bảng 9, Phụ lục III kèm theo Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ
	1.1.7	Nhà máy điện gió số 5 Bến Tre giai đoạn 2 (NMĐG Thạnh Hải 2, 3, 4)	Huyện Thạnh Phú	Xây mới, 90MW	Nhà đầu tư đề xuất	x	x	Bảng 9, Phụ lục III kèm theo Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ
	1.1.8	Nhà máy điện gió VPL (Giai đoạn 2)	Huyện Bình Đại	Xây mới, 30MW	Nhà đầu tư đề xuất	x	x	Bảng 9, Phụ lục III kèm theo Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	
	1.1.9	Nhà máy điện gió Nexif Energy Bến Tre	Huyện Thạnh Phú	Xây mới, 30MW	Nhà đầu tư đề xuất	x	x	Bảng 9, Phụ lục III kèm theo Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ
	1.1.10	Nhà máy điện gió Nexif Bến Tre giai đoạn 2, 3	Huyện Thạnh Phú	Xây mới, 30, 20MW	Nhà đầu tư đề xuất	x	x	Bảng 9, Phụ lục III kèm theo Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ
	1.1.11	Nhà máy điện gió Thiên Phú 2	Huyện Thạnh Phú	Xây mới, 30MW	Nhà đầu tư đề xuất	x	x	Bảng 9, Phụ lục III kèm theo Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ
	1.1.12	Nhà máy điện gió Thiên Phú	Huyện Thạnh Phú	Xây mới, 30MW	Nhà đầu tư đề xuất	x	x	Bảng 9, Phụ lục III kèm theo Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ
	1.1.13	Nhà máy điện gió Thạnh Phú	Huyện Thạnh Phú	Xây mới, 120MW	Nhà đầu tư đề xuất	x	x	Bảng 9, Phụ lục III kèm theo Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	
	1.1.14	Nhà máy điện gió Bảo Thạnh	Huyện Ba Tri	Xây mới, 49,5MW	Nhà đầu tư đề xuất	x	x	Bảng 9, Phụ lục III kèm theo Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ
	1.1.15	Nhà máy điện gió số 19	Huyện Bình Đại	Xây mới, 50MW	Nhà đầu tư đề xuất	x	x	Bảng 9, Phụ lục III kèm theo Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ
	1.1.16	Nhà máy điện gió số 20	Huyện Bình Đại	Xây mới, 50MW	Nhà đầu tư đề xuất	x	x	Bảng 9, Phụ lục III kèm theo Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ
	1.1.17	Nhà máy điện gió Hải Phong	Huyện Thạnh Phú	Xây mới, 200MW	Nhà đầu tư đề xuất	x	x	Dự án tại Công văn số 795/TTg-CN ngày 25/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung các dự án điện gió vào quy hoạch phát triển điện lực
	1.2	Nhà máy điện sinh khối Bến Tre	Huyện Giồng Trôm	Xây mới, 10MW	Nhà đầu tư đề xuất	x	x	Bảng 11, Phụ lục III kèm theo Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	
	1.3	Nhà máy đốt chất thải rắn phát điện tỉnh Bến Tre	Huyện Châu Thành	Xây mới, 18MW	Nhà đầu tư đề xuất	x	x	Bảng 12, Phụ lục III kèm theo Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ
	1.4	Điện mặt trời mái nhà	Tỉnh Bến Tre	Xây mới, 17MW	Nhà đầu tư đề xuất	x	x	Dự án thành phần
2	Thu hút đầu tư sản xuất Hydro xanh, Amoniac xanh: Xây dựng 02 dự án nhà máy sản xuất Hydro xanh Bến Tre tại khu vực xã Bảo Thuận, huyện Ba Tri và xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre		Huyện Ba Tri, huyện Thạnh Phú	Nhà đầu tư đề xuất	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
3	Dự án phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ các ngành công nghiệp của tỉnh: cơ khí, điện, điện tử, sản xuất lắp ráp thiết bị,...		Các địa phương quy hoạch khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Nhà đầu tư đề xuất	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
4	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng các khu, cụm công nghiệp (tại mục II, Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm các dự án thành phần, cụ thể:)							
	4.1	Đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp						

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	
	4.1.1	Khu công nghiệp Giao Hòa	Huyện Châu Thành	249	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	- Phụ lục II kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ - Đã thực hiện quy hoạch, đang kêu gọi đầu tư hạ tầng hoặc đầu tư bằng vốn ngân sách
	4.1.2	Khu công nghiệp An Nhơn	Huyện Thạnh Phú	269,2	UBND tỉnh Bến Tre		x	- Phụ lục II kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ - Đang tiến hành lập quy hoạch phân khu 1/2000
	4.1.3	Khu công nghiệp Phước Long	Huyện Giồng Trôm	182	UBND tỉnh Bến Tre		x	- Phụ lục II kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ - Đã phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết
	4.1.4	Khu công nghiệp Bảo Thạnh	Huyện Ba Tri	153	UBND tỉnh Bến Tre		x	- Phụ lục II kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ - Đang đề xuất chủ trương lập quy hoạch phân khu 1/2000

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	
	4.2	Đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp						
	4.2.1	Cụm công nghiệp C2	Huyện Thạnh Phú	75	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	- Phụ lục II kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ - Thành lập mới
	4.2.2	Cụm công nghiệp An Điền	Huyện Thạnh Phú	75	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	- Phụ lục II kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ - Thành lập mới
	4.2.3	Cụm công nghiệp An Hòa Tây	Huyện Ba Tri	50	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	- Phụ lục II kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ - Đã thành lập và Quy hoạch chi tiết
	4.2.4	Cụm công nghiệp Tân Xuân	Huyện Ba Tri	70	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	- Phụ lục II kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ - Thành lập mới

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	
	4.2.5	Cụm công nghiệp Phú Hưng	Thành phố Bến Tre	75	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	- Phụ lục II kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ - Đã thành lập và Quy hoạch chi tiết, diện tích 40ha
	4.2.6	Cụm công nghiệp Sơn Quy	Huyện Chợ Lách	20	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	- Phụ lục II kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ - Đã thành lập
	4.2.7	Cụm công nghiệp Đìa Dứa	Huyện Mỏ Cày Nam	75	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	- Phụ lục II kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ - Thành lập mới
	4.2.8	Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Phong Nẫm 2	Huyện Giồng Trôm	75	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	- Phụ lục II kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ - Thành lập mới

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	
	4.2.9	Cụm công nghiệp Bình Thới	Huyện Bình Đại	75	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	- Phụ lục II kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ - Đã thành lập và Quy hoạch chi tiết 17,4ha
	4.2.10	Cụm công nghiệp Thị trấn - Bình Hòa	Huyện Giồng Trôm	75	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	- Phụ lục II kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ - Thành lập mới
	4.2.11	Cụm công nghiệp Hòa Lộc	Huyện Mỏ Cày Bắc	70	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	- Phụ lục II kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ - Thành lập mới
5	Dự án phát triển công nghiệp chế biến nông, thủy sản		Tỉnh Bến Tre	Nhà đầu tư đề xuất	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	
III	**DỰ ÁN PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH**							
1	Xây dựng trung tâm đầu mối trái cây và rau màu (dừa và các sản phẩm liên quan): phân loại, lưu trữ, sấy, đông lạnh, nước ép, đóng hộp (Châu Thành, Bến Tre)		Huyện Châu Thành		UBND tỉnh Bến Tre		x	Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
2	Xây dựng các dự án du lịch sinh thái nông nghiệp (tại mục III, Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm các dự án thành phần, cụ thể:)							
	2.1	Khu du lịch Làng văn hóa du lịch Chợ Lách	Huyện Chợ Lách		UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	2.2	Khu du lịch sinh thái rừng ngập mặn gắn với di tích lịch sử - cách mạng "Đường Hồ Chí Minh trên biển"	Huyện Thạnh Phú	450,0 ha	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	2.3	Khu du lịch Làng dừa sông Thom	Huyện Mỏ Cày Nam	352,8 ha	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	
3	Xây dựng đầu tư phát triển du lịch vùng các xã ven sông Tiền, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre		Huyện Châu Thành		UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
4	Xây dựng các trung tâm thương mại, siêu thị (tại mục III, Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm các dự án thành phần, cụ thể:)							
	4.1	Xây mới 02 trung tâm thương mại	Thành phố Bến Tre	Xây mới	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XI kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	4.2	Xây mới 02 trung tâm thương mại	Huyện Bình Đại	Xây mới	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XI kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	4.3	Trung tâm thương mại	Huyện Chợ Lách	Xây mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	Phụ lục XI kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	4.4	Xây mới 03 trung tâm thương mại	Huyện Thạnh Phú	Xây mới	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XI kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	
	4.5	Xây mới 03 trung tâm thương mại	Huyện Châu Thành	Xây mới	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XI kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	4.6	Trung tâm thương mại	Huyện Mỏ Cày Bắc	Xây mới	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XI kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	4.7	Xây mới 02 trung tâm thương mại	Huyện Mỏ Cày Nam	Xây mới	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XI kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	4.8	Xây dựng 17 siêu thị	Các huyện, thị xã, thành phố	Xây mới	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XI kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
5	Xây dựng trung tâm dịch vụ, du lịch đa năng		Tỉnh Bến Tre		UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	
6	Xây dựng trung tâm logistics tại các cảng biển: Bình Đại, khu bến Thạnh Phú, khu bến Hàm Luông, khu bến Giao Long (tại mục III, Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm các dự án thành phần, cụ thể:)							
	6.1	Trung tâm logistics khu vực ven biển	Khu vực ven biển Thạnh Phú - Ba Tri - Bình Đại	Xây mới	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XI kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	6.2	Cảng biển, cảng thủy nội địa (tại mục I, II, Phụ lục VI kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm các dự án thành phần, cụ thể:)						
	6.2.1	Cảng Biển (tại mục I, Phụ lục VI kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm các dự án thành phần, cụ thể:)						
	6.2.1.1	Khu bến Giao Long	Huyện Châu Thành	Nâng cấp, mở rộng, xây mới	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục VI kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	6.2.1.2	Khu bến Hàm Luông	Huyện Châu Thành và Mỏ Cày Bắc	Xây mới	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục VI kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	6.2.1.3	Khu bến Thạnh Phú	Huyện Thạnh Phú	Xây mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	Phụ lục VI kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	
	6.2.1.4	Khu bến Bình Đại	Huyện Bình Đại	Xây mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	Phụ lục VI kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	6.2.1.5	Các bến vệ tinh khác	Trên địa bàn tỉnh	Xây mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	Phụ lục VI kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	6.2.1.6	Các bến phao, khu neo đậu chuyển tải, tránh, trú bão tại Giao Long, Hàm Luông, Bình Đại và các khu vực khác đủ điều kiện	Trên địa bàn tỉnh	Xây mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	Phụ lục VI kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	6.2.2	Cảng thủy nội địa (tại mục II, Phụ lục VI kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm các dự án thành phần, cụ thể:)						
	6.2.2.1	Cảng Phong Nẫm	Huyện Giồng Trôm	Xây dựng mới	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục VI kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Cảng hàng hóa theo quy hoạch của quốc gia

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	
	6.2.2.2	Cảng khu công nghiệp Phú Thuận	Huyện Bình Đại	Xây dựng mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)
	6.2.2.3	Cảng cụm công nghiệp Bình Thới	Huyện Bình Đại	Xây dựng mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)
	6.2.2.4	Cảng Nhuận Phú Tân	Huyện Mỏ Cày Bắc	Xây dựng mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)
	6.2.2.5	Cảng Thành Thới	Huyện Mỏ Cày Nam	Xây dựng mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)
	6.2.2.6	Cảng Khu công nghiệp An Nhơn	Huyện Thạnh Phú	Xây dựng mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)
	6.2.2.7	Cảng cụm công nghiệp An Hòa Tây	Huyện Ba Tri	Xây dựng mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)
	6.2.2.8	Cảng tổng hợp Mỹ An	Thành phố Bến Tre	Xây dựng mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)
	6.2.2.9	Cảng khác		Xây dựng mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)
	6.2.2.10	Cảng tổng hợp tại xã Bình Phú	Xã Bình Phú, thành phố Bến Tre	Xây dựng mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	Phụ lục VI kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Cảng hàng hóa theo quy hoạch của địa phương

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	
	6.2.2.11	Cảng, bến hàng hóa kết hợp du lịch (từ cầu Rạch Vong đến cầu Mỹ Hóa)	Thành phố Bến Tre	Xây dựng mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)
	6.2.2.12	Cảng, bến hàng hóa kết hợp du lịch Rạch Miễu (bến phà Rạch Miễu)	Huyện Châu Thành	Xây dựng mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)
	6.2.2.13	Cảng bến Hàm Luông (xã Tiên Thủy)	Huyện Châu Thành	Xây dựng mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)
	6.2.2.14	Cảng giữa Rạch Bình Thắng và rạch Thừa Mỹ	Huyện Bình Đại	Xây dựng mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)
	6.2.2.15	Cảng cụm công nghiệp Thị trấn - Bình Hòa	Huyện Giồng Trôm	Xây dựng mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)
	6.2.2.16	Cảng khu công nghiệp Phước Long	Huyện Giồng Trôm	Xây dựng mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)
	6.2.2.17	Cảng khu công nghiệp Bảo Thạnh	Huyện Ba Tri	Xây dựng mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	
	6.2.2.18	Cảng cụm công nghiệp Thị trấn - An Đức	Huyện Ba Tri	Xây dựng mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)
	6.2.2.19	Cảng cụm công nghiệp Tân Xuân	Huyện Ba Tri	Xây dựng mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)
	6.2.2.20	Cảng cụm công nghiệp C2	Huyện Thạnh Phú	Xây dựng mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)
	6.2.2.21	Cảng bốc xếp hàng hóa tại xã Phú Khánh	Huyện Thạnh Phú	Xây dựng mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)
	6.2.2.22	Cảng cụm công nghiệp Tân Thành Bình	Huyện Mỏ Cày Bắc	Xây dựng mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)
	6.2.2.23	Cảng Thanh Tân	Huyện Mỏ Cày Bắc	Xây dựng mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)
	6.2.2.24	Cảng Bình Khánh	Huyện Mỏ Cày Nam	Xây dựng mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)
	6.2.2.25	Cảng Hương Mỹ	Huyện Mỏ Cày Nam	Xây dựng mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)
	6.2.2.26	Cảng Minh Đức	Huyện Mỏ Cày Nam	Xây dựng mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)
	6.2.2.27	Cảng cồn Thành Long	Huyện Mỏ Cày Nam	Xây dựng mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	
	6.2.2.28	Cảng Tân Trung	Huyện Mỏ Cày Nam	Xây dựng mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)
	6.2.2.29	Cảng Phước Hiệp	Huyện Mỏ Cày Nam	Xây dựng mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)
	6.2.2.30	Cảng An Thạnh	Huyện Mỏ Cày Nam	Xây dựng mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)
	6.2.2.31	Cảng sông Sơn Quy	Huyện Chợ Lách	Xây dựng mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)
	6.2.2.32	Cảng cụm công nghiệp Sơn Quy	Huyện Chợ Lách	Xây dựng mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)
	6.2.2.33	Cảng khác	Trên địa bàn tỉnh	Xây dựng mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)
	6.2.3	Cảng hành khách (tại mục II, Phụ lục VI kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm các dự án thành phần, cụ thể:)						
	6.2.3.1	Cụm cảng khách Bến Tre	Sông Tiền, sông Hàm Luông, sông Cổ Chiên, sông Cửa Đại		UBND tỉnh Bến Tre		x	Phụ lục VI kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Cụm cảng khách theo quy hoạch của quốc gia

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	
	6.2.3.2	Cụm cảng, bến Thành phố Bến Tre	Thành phố Bến Tre		UBND tỉnh Bến Tre		x	Phụ lục VI kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Cụm cảng, bến hành khách hoặc du lịch theo QH của địa phương
	6.2.3.3	Cụm cảng, bến huyện Bình Đại	Huyện Bình Đại		UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)
	6.2.3.4	Cụm cảng, bến huyện Giồng Trôm	Huyện Giồng Trôm		UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)
	6.2.3.5	Cụm cảng, bến huyện Thạnh Phú	Huyện Thạnh Phú		UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)
	6.2.3.6	Cụm cảng, bến huyện Ba Tri	Huyện Ba Tri		UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)
	6.2.3.7	Cụm cảng, bến huyện Mỏ Cày Bắc	Huyện Mỏ Cày Bắc		UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)
	6.2.3.8	Cụm cảng, bến huyện Châu Thành	Huyện Châu Thành		UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)
	6.2.3.9	Cụm cảng, bến huyện Mỏ Cày Nam	Huyện Mỏ Cày Nam		UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	
	6.2.3.10	Cụm cảng, bến huyện Chợ Lách	Huyện Chợ Lách		UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)
	6.2.3.11	Cảng, bến khác	Trên địa bàn tỉnh		UBND tỉnh Bến Tre		x	(như trên)
	6.2.4	Bến Thủy nội địa						Dự án thành phần
	6.2.4.1	Bến phà Thới Lộc - Tiền Giang	Xã Sơn Định, huyện Chợ Lách	Nâng cấp	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Dự án thành phần
	6.2.4.2	Bến phà Rạch Dong, Phú Phụng - Tiền Giang	Xã Phú Phụng, huyện Chợ Lách	Nâng cấp	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Dự án thành phần
	6.2.4.3	Bến phà Tân Thiềng - Vĩnh Long	Xã Tân Thiềng, huyện Chợ Lách	Nâng cấp	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Dự án thành phần
	6.2.4.4	Bến phà Phú Đa	Xã Vĩnh Bình, huyện Chợ Lách	Nâng cấp	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Dự án thành phần

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	
7	Xây dựng các trung tâm logistics tại các khu, cụm công nghiệp (Kho chứa hàng hóa tại khu vực các nút giao thông quan trọng, cảng hàng hóa, khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh)		Địa bàn các huyện, thành phố tỉnh Bến Tre	Xây mới	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
8	Xây dựng các kho xăng dầu và khí đốt (tại mục III, Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm các dự án thành phần, cụ thể:)							
	8.1	Kho xăng dầu (gồm các Kho xăng dầu tại các huyện Ba Tri, Bình Đại, Thạnh Phú, Châu Thành; Kho trung chuyển xăng dầu Ba Tri - Bến Tre; Kho xăng dầu An Khánh)	Huyện Ba Tri, huyện Bình Đại, huyện Thạnh Phú, huyện Châu Thành	Xây mới	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XIII kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	8.2	Khí đốt (Kho dự trữ khí hóa lỏng giai đoạn 2021 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030)	Huyện Thạnh Phú	Xây mới	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XIII kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	
9	Đầu tư xây dựng Chợ đầu mối trái cây hoa kiểng		Huyện Chợ Lách	Nâng cấp, mở rộng	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ (Tên dự án trong Phụ lục XXV là "Đầu tư xây dựng chợ đầu mối hoa cây kiểng")
10	Dự án phát triển du lịch văn hóa và du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng, du lịch biển (tại mục III, Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm các dự án thành phần, cụ thể:)							
	10.1	Khu du lịch Thanh Tân	Huyện Mỏ Cày Bắc	53,27 ha	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	10.2	Khu di tích quốc gia đặc biệt Đồng Khởi Bến Tre	Huyện Mỏ Cày Nam		UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	10.3	Khu du lịch, dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, sân golf…	Huyện Bình Đại		UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	
	10.4	Dự án du lịch nghỉ dưỡng Cồn Quy	Huyện Châu Thành	92,7 ha	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Dự án thành phần
	10.5	Dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng Cồn Tân Mỹ		116,2 ha		x	x	Dự án thành phần
	10.6	Dự án du lịch sinh thái, văn hóa cộng đồng Cồn Ốc	Huyện Giồng Trôm	8,2 ha	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Dự án thành phần
	10.7	Dự án du lịch sinh thái Phong Nẫm		17,1 ha		x	x	Dự án thành phần
	10.8	Du lịch sinh thái cộng đồng các xã Tân Thành Bình - Thạnh Ngãi - Phú Mỹ, mở rộng ra 2 xã Thanh Tân, Tân Phú Tây	Huyện Mỏ Cày Bắc	77,5 ha	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Dự án thành phần
	10.9	Dự án du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Cồn Phú Long	Huyện Bình Đại	10,0 ha	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Dự án thành phần
	10.10	Dự án du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Cồn Bình Trung		3,0 ha		x	x	Dự án thành phần

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	
	10.11	Dự án phức hợp đô thị - du lịch - nghỉ dưỡng Cồn Chày Mười		725,0 ha		x	x	Dự án thành phần
	10.12	Dự án du lịch nghỉ dưỡng sinh thái, ẩm thực Thới Thuận (Khu sản xuất giống thủy sản cũ)		0,8 ha		x	x	Dự án thành phần
	10.13	Khu Thể thao, du lịch và giải trí xã Thừa Đức		9,2 ha		x	x	Dự án thành phần
	10.14	Khu Du lịch Cồn Thành Long	Huyện Mỏ Cày Nam	305,0 ha	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	10.15	Xây dựng bến tàu du lịch tại Chợ Thom		2,0 ha		x	x	Dự án thành phần
	10.16	Dự án du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng tại Khu Di tích lịch sử - văn hóa, căn cứ cách mạng Bưng Lạc Địa	Huyện Ba Tri	3,5 ha	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Dự án thành phần

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	
	10.17	Dự án du lịch sinh thái Cồn Đất		2,0 ha		x	x	Dự án thành phần
	10.18	Dự án du lịch biển Cồn Hố		79,0 ha		x	x	Dự án thành phần
	10.19	Dự án nghỉ dưỡng du lịch cao cấp Cồn Ngoài		30,0 ha		x	x	Dự án thành phần
	10.20	Khu du lịch Cồn Bửng	Huyện Thạnh Phú	280,0 ha	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	10.21	Dự án du lịch - nghỉ dưỡng cao cấp cồn Cái Gà	Huyện Chợ Lách	79,7 ha		x	x	Dự án thành phần
	10.22	Khu du lịch và dịch vụ tổng hợp cao cấp phía Nam thành phố Bến Tre	Thành phố Bến Tre		UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
11	Đầu tư nâng cấp, xây mới các chợ truyền thống trên địa bàn (tại mục III, Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm các dự án thành phần, cụ thể:)							
	11.1	Chợ đầu mối (tại Phụ lục XI kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm các dự án thành phần, cụ thể:)						

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	
	11.1.1	Chợ đầu mối nông sản Thạnh Phú Đông	Huyện Giồng Trôm	Xây mới	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XI kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	11.1.2	Chợ đầu mối nông sản	Huyện Ba Tri	Xây mới	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XI kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	11.1.3	Chợ đầu mối nông thủy sản	Huyện Ba Tri	Xây mới	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XI kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	11.1.4	Chợ Đầu mối Nông thủy sản	Thành phố Bến Tre	Nâng cấp, sửa chữa	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XI kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	11.2	Chợ hạng I (tại Phụ lục XI kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm các dự án thành phần, cụ thể:)						
	11.2.1	Chợ trung tâm thành phố Bến Tre	Thành phố Bến Tre	Nâng cấp, sửa chữa	UBND tỉnh Bến Tre		x	Phụ lục XI kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	
	11.2.2	Chợ Mỏ Cày Nam	Huyện Mỏ Cày Nam	Nâng cấp, sửa chữa	UBND tỉnh Bến Tre		x	Phụ lục XI kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	11.2.3	Chợ hạng II và hạng III	Tỉnh Bến Tre	Xây mới, nâng cấp, cải tạo	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Dự án thành phần
12	Dự án phát triển thương mại và du lịch các huyện ven biển Ba Tri, Bình Đại và Thạnh Phú		Ba Tri, Bình Đại, Thạnh Phú		UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
IV	**DỰ ÁN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ**							
	Thành phố Bến Tre: 19 khu đô thị (Khu đô thị mới Đông Bắc Phường Phú Khương; Khu đô thị mới Mỹ Hóa; Khu đô thị mới Mỹ An; Khu đô thị mới An Thuận; Khu đô thị mới Tây Bắc; Khu đô thị mới - đô thị sinh thái (Eco2 Park) Bến Tre; Khu đô thị mới Mỹ Thạnh An;							

STT	Tên dự án	Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
					2021 - 2025	2026 - 2030	
1	Khu đô thị mới An Thuận 2; Khu đô thị mới Đồng Khởi; Khu đô thị mới phía Nam thành phố Bến Tre; Khu đô thị mới Phú Hưng; Khu đô thị mới Nhơn Thạnh; Khu đô thị mới An Thuận 3; Khu đô thị mới Phú Nhuận; Khu đô thị mới Phú Nhuận 2; Khu đô thị mới phía Tây thành phố Bến Tre; Khu đô thị mới ven sông Hàm Luông; Khu đô thị mới Đông Phú Khương, thành phố Bến Tre; Khu đô thị mới Bình Phú)	Thành phố Bến Tre		UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
2	Huyện Châu Thành: 03 khu đô thị (Khu đô thị mới Cửa ngõ Bến Tre; Khu đô thị mới trung tâm thị trấn Châu Thành; Khu đô thị mới Ba Lai 2, thị trấn Châu Thành)	Huyện Châu Thành		UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án	Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
					2021 - 2025	2026 - 2030	
3	Huyện Ba Tri: 02 khu đô thị (Khu đô thị mới Ba Tri; Khu đô thị mới An Thủy 02, xã An Thủy)	Huyện Ba Tri		UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
4	Huyện Bình Đại: 04 khu đô thị (Khu đô thị mới Bình An, thị trấn Bình Đại; Khu đô thị mới phía Đông đô thị Bà Nhựt, thị trấn Bình Đại; Khu đô thị mới Đông Bình Đại, thị trấn Bình Đại; Khu đô thị mới thị trấn Bình Đại, huyện Bình Đại)	Huyện Bình Đại		UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
5	Huyện Mỏ Cày Nam: 03 khu đô thị (Khu đô thị mới thị trấn Mỏ Cày; Khu đô thị mới Khu phố 4 thị trấn Mỏ Cày; Khu đô thị mới khu phố 3, thị trấn Mỏ Cày)	Huyện Mỏ Cày Nam		UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án	Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
					2021 - 2025	2026 - 2030	
6	Huyện Mỏ Cày Bắc: 02 khu đô thị (Khu đô thị mới Phước Mỹ Trung; Khu đô thị mới Tân Thành Bình)	Huyện Mỏ Cày Bắc		UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
7	Huyện Chợ Lách: 01 khu đô thị (Khu đô thị mới Bình An, thị trấn Chợ Lách)	Huyện Chợ Lách		UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
8	Huyện Thạnh Phú: 02 khu đô thị (Khu đô thị mới Đông Nam thị trấn Thạnh Phú; Khu đô thị mới kết hợp với Trung tâm thương mại Khém Thuyền)	Huyện Thạnh Phú		UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
9	Huyện Giồng Trôm: 01 khu đô thị (Khu đô thị mới thị trấn Giồng Trôm)	Huyện Giồng Trôm		UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	
V	**DỰ ÁN CẤP NƯỚC, XỬ LÝ NƯỚC THẢI VÀ RÁC THẢI**							
1	Dự án xử lý rác thải tập trung cấp tỉnh (tại mục V, Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm các dự án thành phần, cụ thể:)							
	1.1	Khu liên hiệp Ba Tri (Dự án: Đầu tư, mở rộng Bãi rác An Hiệp, huyện Ba Tri)	Huyện Ba Tri	Nâng cấp, mở rộng	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XII kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
	1.2	Khu liên hiệp Châu Thành (Dự án: Nhà máy Điện rác)	Huyện Châu Thành	Nâng cấp, mở rộng	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	- Phụ lục XII kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ - Giải phóng mặt bằng, mở rộng thêm 3,24 ha (giai đoạn 2024 - 2026) bằng nguồn ngân sách tỉnh
	1.3	Khu liên hiệp Mỏ Cày Nam (Dự án: Đầu tư, mở rộng Bãi rác An Thạnh, huyện Mỏ Cày Nam)	Huyện Mỏ Cày Nam	Nâng cấp, mở rộng	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XII kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	
2	Dự án xử lý nước thải đô thị (Hệ thống thu gom và xử lý nước thải thị trấn Ba Tri; thành phố Bến Tre, thị trấn Bình Đại, thị trấn Mỏ Cày)		Huyện Ba Tri, huyện Bình Đại, huyện Mỏ Cày Nam, thành phố Bến Tre	Xây mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
3	Dự án cấp nước							
	3.1	Cung cấp nước thô thượng nguồn sông Tiền từ tỉnh Tiền Giang (Dự án Trạm bơm nước thô Cái Bè và hệ thống truyền tải, giai đoạn 1 là dự án "Trạm bơm nước thô nhà máy nước Đồng Tâm và hệ thống tuyến ống truyền tải")	Tỉnh Tiền Giang, Long An, Bến Tre	Công suất 300.000 m³/ngày	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục X kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ Xây mới
	3.2	Mở rộng (hoặc đầu tư mới) nhà máy nước An Hiệp	Huyện Châu Thành	Công suất 120.000 m³/ngày	UBND tỉnh Bến Tre		x	Phụ lục X kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ Xây mới

STT	Tên dự án		Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
						2021 - 2025	2026 - 2030	
	3.3	Nhà máy nước Phú Thuận	Huyện Bình Đại	Công suất 120.000 m³/ngày	UBND tỉnh Bến Tre		x	Phụ lục X kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ Xây mới
	3.4	Nhà máy nước Tân Thành Bình (Nhà máy nước Cù Lao Minh)	Huyện Mỏ Cày Bắc	Công suất 72.000 m³/ngày	UBND tỉnh Bến Tre		x	Phụ lục X kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ Xây mới
	3.5	Mở rộng (hoặc đầu tư mới) nhà máy nước Chợ Lách	Huyện Chợ Lách	Công suất 48.000 m³/ngày	UBND tỉnh Bến Tre		x	Phụ lục X kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ Xây mới
VI	**DỰ ÁN BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC**							
	Đầu tư phát triển cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học về giống, gen cây Dừa tỉnh Bến Tre		Tỉnh Bến Tre (Trung tâm Dừa Đồng gò huyện Giồng Trôm)	Nâng cấp	UBND tỉnh Bến Tre		x	Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ Xây mới

STT	Tên dự án	Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
					2021 - 2025	2026 - 2030	
VII	**DỰ ÁN Y TẾ**						
	Dự án cơ sở khám chữa bệnh ngoài công lập (Bệnh viện đa khoa Minh Đức; các bệnh viện, cơ sở y tế ngoài công lập khác)	Tỉnh Bến Tre	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
VIII	**DỰ ÁN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**						
1	Trường Đại học Tây Nam bộ	Thành phố Bến Tre	54.766,4 m^2	UBND tỉnh Bến Tre		x	Phụ lục XV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
2	Dự án đầu tư xây dựng các trường mầm non tư thục chất lượng cao	Tỉnh Bến Tre	Xây mới, nâng cấp	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
IX	**DỰ ÁN VĂN HÓA, THỂ THAO**						
	Dự án xây dựng công viên văn hóa, du lịch và vui chơi giải trí	Tỉnh Bến Tre	Xây mới	UBND tỉnh Bến Tre		x	Phụ lục XXV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày

STT	Tên dự án	Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
					2021 - 2025	2026 - 2030	
	(Khu du tích căn cứ cách mạng của huyện ủy Ba Tri tại rừng Rạch Vọp - cù lao Lá; xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao ngoài công lập)						17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
X	**KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**						
	Khu CNTT và chuyển đổi số tỉnh Bến Tre (tham gia vào chuỗi Công viên phần mềm Quang Trung)	Tỉnh Bến Tre	Xây mới	UBND tỉnh Bến Tre	x	x	Phụ lục XXIV kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ (chuyển vốn đầu tư từ NSNN sang ngoài NSNN)
XI	**NĂNG LƯỢNG**						
XI.1	**TBA 500kV**						
	Trạm biến áp 500kV Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	Xây mới, 2 x 900	Nhà đầu tư đề xuất		x	- Bảng 1, Phụ lục V kèm theo Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ - Phụ lục XXIV (chuyển vốn đầu tư từ NSNN sang ngoài NSNN)

STT	Tên dự án	Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
					2021 - 2025	2026 - 2030	
XI.2	**TBA 220kV**						
1	Trạm biến áp 220kV Mỏ Cày	Xã Tân Hội, huyện Mỏ Cày	Nâng công suất, 500MW	Nhà đầu tư đề xuất	x	x	Bảng 3, Phụ lục V kèm theo Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ
2	Trạm biến áp 220kV Bình Đại	Huyện Bình Đại	Xây mới, 500MW	Nhà đầu tư đề xuất	x	x	Bảng 3, Phụ lục V kèm theo Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ
3	Trạm biến áp 220kV Thạnh Phú	Huyện Thạnh Phú	Xây mới, 500MW	Nhà đầu tư đề xuất	x	x	Bảng 3, Phụ lục V kèm theo Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ
XI.3	**Đường dây 500 kV**		**Km**				
	Đường dây Bến Tre - Mỹ Tho (tỉnh Tiền Giang)	Tỉnh Bến Tre	Xây mới, 2 x 60	Ngành điện, xem xét kết hợp xã hội hóa	x	x	- Bảng 2, Phụ lục V kèm theo Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ - Phụ lục XXIV (chuyển vốn đầu tư từ NSNN sang ngoài NSNN)

STT	Tên dự án	Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
					2021 - 2025	2026 - 2030	
XI.4	**Đường dây 220kV**						
1	Bến Tre - Bình Đại	Điểm đầu Bến Tre, điểm cuối Bình Đại	Xây mới, 2 x 50	Ngành điện, xem xét kết hợp xã hội hóa	x	x	Bảng 4, Phụ lục V kèm theo Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ
2	Thạnh Phú - Rẽ ĐG Hải Phong - Mỏ Cày	Điểm đầu Thạnh Phú, điểm cuối Thạnh Phú	Xây mới, 4 x 3		x	x	Bảng 4, Phụ lục V kèm theo Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ
3	Mỏ Cày - 500 kV Mỹ Tho	Điểm đầu Mỏ Cày Nam, điểm cuối Mỹ Tho (Tiền Giang)	Xây mới, 2 x 42		x	x	Bảng 4, Phụ lục V kèm theo Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ
4	ĐG số 19 Bến Tre - Bình Đại	Huyện Bình Đại	Xây mới, 12	Xã hội hóa	x	x	- Bảng 4, Phụ lục V kèm theo Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên dự án	Địa điểm	Dự kiến quy mô dự án	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Ghi chú
					2021 - 2025	2026 - 2030	
							- Xây mới, đồng bộ ĐG số 19 Bến Tre, giải tỏa công suất ĐG số 19 Bến Tre, ĐG số 20 Bến Tre. Chiều dài thực tế khoảng 0,03km.
5	Nhà máy điện gió Hải Phong - Mỏ Cày	Điểm đầu Thạnh Phú, điểm cuối Mỏ Cày Nam	Xây mới, 2 x 50	Xã hội hóa	x	x	Bảng 4, Phụ lục V kèm theo Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng